TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:169 /2017/DS-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đỗ Việt Hùng.

2. Bà Vũ Thị Thu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST- HNGĐ ngày 14/7/2017 về việc tranhh chấp : Ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quA:

- Cháu Phạm Phong P, sinh ngày 13/12/2008

- Cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011

Đều ở địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu Phạm Phong P và cháu Phạm T A là Chị Vũ Thị L; sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

- Cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013

Địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

- Người đại diện theo pháp luật cho cháu Phạm Thắng L là Ah Phạm Minh

T; sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N.

(Ah T, chị L vắng mặt và đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ah Phạm Minh T trình bày:

Về quA hệ hôn nhân: Ah Phạm Minh T và chị Vũ Thị L đăng ký kết hôn ngày 28/4/2006 tại Ủy bA nhân dân xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Từ tháng 9 năm 2016 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tình tính không hợp, quA điểm sống khác nhau, vợ chồng không thông cảm và chia sẻ được với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 09 năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quA hệ tình cảm với nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa Ah và chị L không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên Ah T làm đơn xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Ah T khai nhận Ah và chị L có 03 con chung là cháu Phạm Phong P, sinh ngày 13/12/2008, cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011, hiện đAg ở cùng chị L. Ah T đAg nuôi dưỡng cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013. Nay ly hôn, Ah T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Phạm Thắng L, còn để chị L nuôi cháu Phạm Phong P và Phạm T A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau mà tự có trách nhiệm đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Ah T khai nhận: vợ chồng có một căn nhà cấp bốn và các công trình phụ khác trên diện tích đất 70m^2 tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 19 đứng tên Ah Phạm Minh T và chị Vũ Thị L tại Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N. Về tài sản chung Anh T tự nguyện để lại toàn bộ tài sản chung vợ chồng gồm: nhà và các công trình phụ khác xây dựng trên đất và thửa đất 70m^2 tại tờ bản đồ số 19, thửa số 27 đứng tên vợ chồng cho chị Vũ Thị L và 3 con sở hữu, sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án cho chị L và các con được quyền sở hữu sử dụng. Do các con chung hiện nay chưa đến tuổi trưởng T nên Ah T nhất trí đề nghị Tòa án giao cho chị Vũ Thị L trông coi, quản lý, sử dụng đến khi các con T niên, sau khi các con T niên có nhu cầu sở hữu, sử dụng tài sản thì chị L có trách niệm bàn giao tài sản kỷ phần của các con cho các con sở hữu, sử dụng. Khi bàn giao tài sản cho các con, quyết định phân chia tài sản theo hiện vật hay giá trị tài sản theo kỷ phần cho các con là do chị L và các con tự giải quyết với nhau (theo giá trị hoặc hiện vật tại thời điểm bàn giao). Chị L và Anh T không phải thanh toán chênh

lệch chia tài sản cho nhau. Để tránh tranh chấp sau này giữa Anh và chị L Anh T đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ cả ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc bận nên Anh T không bố trí được thời gian nghỉ và thường xuyên làm việc tại Tòa án được nên xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

* Bị đơn chị Vũ Thị L có lời khai phù hợp với lời khai của Anh T về quá trình tìm hiểu, thời gian kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Chị L khai nhận đến nay Ah T không còn tình cảm với chị, nhưng vì theo tôn giáo và chị L vẫn còn tình cảm với Anh T nên không nhất trí ly hôn và mong muốn Anh T sửa đổi, quay về đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Chị L công nhận giữa chị và Anh T có 03 con chung là cháu Phạm Phong P,sinh ngày13/12/2008; cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011; và cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013 hiện đAg ở cùng Anh T và chị L như Anh T kê khai ở trên là đúng. Nay Anh T xin ly hôn chị L có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Phạm Phong P và Phạm T A, còn để Anh T nuôi cháu Phạm Thắng L, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản chung: Chị Vũ Thị L có lời khai phù hợp với lời khai của Anh T về phần tài sản chung vợ chồng, phương thức tự nguyện phân chia tài sản chung, chị L không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng nếu Tòa án xét xử cho chị và Anh T ly hôn thì về việc giải quyết tài sản chung vợ chồng chị nhất nhí với ý kiến Anh T ở trên và không có ý kiến gì khác. Chị L đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm bận không sắp xếp được thời gia, nên chị L đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay, Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong các buổi làm việc tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Minh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình của Anh và chị Vũ Thị L. Áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Các đương sự trong vụ án Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh T, chị L.

[2] Về quA hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đã được, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Chính ngày 28/4/2006 nên cuộc hôn nhân này hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thông cảm và chia sẻ được với nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, từ tháng 09 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân chấm dứng mọi quan hệ tình cảm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị L công nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay nhưng không nhất trí ly hôn với lý do vợ chồng theo công giáo và chị vẫn còn tình cảm với Anh T. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và chị L là có thật, hai bên đã sống ly thân nhau một thời gian dài, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của Anh T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Về con chung: Anh T và chị L có 03 con chung là cháu Phạm Phong P, sinh ngày 13/12/2008, cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011, hiện đAg ở cùng chị L và cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013. Nay ly hôn, Anh T , chị L cùng có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng các con như hiện nay, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên, nguyện vọng của con chung thì thấy: Hiện nay cháu Phạm Phong P và Phạm T A đang sống cùng chị L, cháu Phạm Thắng L sống cùng Anh T, cháu Phạm Phong P có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng chị L. Do đó, nên giao cháu Phạm Phong P và Phạm T A cho chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu

Phạm Thắng L cho Anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do Anh T và chị L không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định pháp luật nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung:

Về tài sản chung: Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L thống nhất thỏa thuận về việc tự giải quyết chia tài sản chung vợ chồng đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án , cụ thể như sau: Anh Phạm Minh T để lại toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho chị Vũ Thị L và 3 con chung là cháu Phạm Phong P; sinh ngày 13/12/2008; cháu Phạm T A; sinh ngày 16/8/2011; cháu Phạm Thắng L; sinh ngày 27/7/2013 sở hữu, sử dụng: gồm 1 nhà cấp bốn + các công trình phụ và toàn bộ dụng cụ sinh hoạt trong gia đình và được quyền quản lý sử dụng 70m^2 đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 19 đứng tên Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L tại Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N. Giao cho chị Vũ Thị L trông coi, quản lý, sử dụng trong thời giA các con chưa T niên, sau khi các con T niên có nhu cầu sử dụng thì chị L có trách niệm bàn giao tài sản theo kỷ phần của các con cho các con sở hữu, sử dụng . Khi bàn giao tài sản cho các con, quyết định phân chia tài sản theo hiện vật hay giá trị tài sản theo kỷ phần cho các con là do chị L và các con tự giải quyết với nhau (theo giá trị hoặc hiện vật tại thời điểm bàn giao). Chị L và Anh T không phải thAh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau. (Toàn bộ tài sản trên đAg do chị L trông coi, quản lý, sử dụng).

Xét sự tự nguyện phân chia tài sản của Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện của Anh T, chị L vào bản án là phù hợp.

[5] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Minh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí phân chia tài sản: Do Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L tự nguyện chia tài sản chung của vợ chồng trước khi có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chỉ đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án nếu Tòa án cho Anh T, chị L ly hôn nên không phải chịu án phí chia tài sản.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1.Về quA hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Phong P, sinh ngày 13/12/2008, cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011 cho chị Vũ Thị L trông nom,nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.Giao cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013 cho Anh Phạm Minh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc , giáo dục. Hai bên nuôi dưỡng các con chung đến khi con chung T niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau mà được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3. Về chia tài sản chung: Chị Vũ Thị L, cháu Phạm Phong P sinh ngày 13/12/2008, cháu Phạm T A, sinh ngày 16/8/2011 và cháu Phạm Thắng L, sinh ngày 27/7/2013 được quyền sở hữu, sử dụng 01 nhà cấp bốn, các công trình phụ khác và toàn bộ dụng cụ sinh hoạt trong gia đình và được quyền quản lý, sử dụng 70m^2 đất tại thửa số 27, tờ bản đồ 19 tại Xóm T, xã Hải C, huyện H, tỉnh N đứng tên Anh Phạm Minh T và chị Vũ Thị L. Giao chị Vũ Thị L trông coi, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên trong thời gian ba con chung chưa T niên, sau khi các con T niên và có nhu cầu sử dụng thì chị L có trách niệm bàn giao tài sản theo kỷ phần của các con cho các con sở hữu, sử dụng. Khi bàn giao tài sản cho các con, quyết định phân chia tài sản theo hiện vật hay giá trị tài sản theo kỷ phần cho các con là do chị L và các con tự giải quyết với nhau (theo giá trị hoặc hiện vật tại thời điểm bàn giao). Chị L và Ah T không phải thAh toán chênh lệch chia tài sản cho nhau. (Toàn bộ tài sản trên đang do chị L trông coi, quản lý, sử dụng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ah Phạm Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số 09004 ngày 14/7/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Anh T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí chia tài sản: Anh T và chị L tự nguyện phân chia tài sản của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án lên không phải chịu án phí chia tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải C: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng